



yì zhōng rén
意中人

noun · the person one has in mind; ideal partner

Example Sentences

Tā zhōng yú zhǎo dào le zì jǐ de yì zhōng rén
她终于找到了自己的意中人。

She finally found her ideal partner.

Tā de yì zhōng rén shì yī wèi wēn róu shàn liáng de nǚ hái
他的意中人是一位温柔善良的女孩。

His ideal partner is a gentle and kind girl.

Trace each character, then write the word on your own.

意	意	意	意	意	意	意	意	意	意	意
意	意	意	意	意						
中	中	中	中	中	中	中				
人	人	人	人	人						